



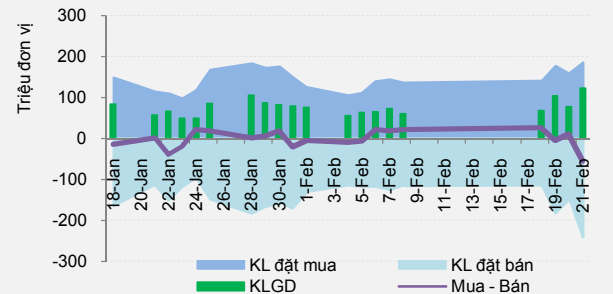
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 21/2/2013

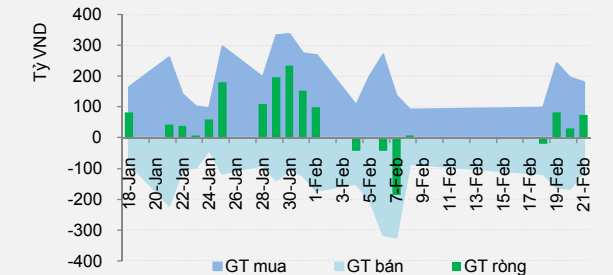
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	476.7	63.5
% Thay đổi	↓ -3.7%	↓ -5.3%
KLGD (CP)	123,304,854	132,136,454
GTGD (tỷ đồng)	1,682.07	1,100.11
Tổng cung (CP)	240,310,980	195,511,700
Tổng cầu (CP)	185,407,670	137,416,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,956,400	1,086,600
KL mua (CP)	5,768,850	1,214,500
GTmua (tỷ đồng)	182.13	15.65
GT bán (tỷ đồng)	108.39	10.85
GT ròng (tỷ đồng)	73.74	4.80

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -2.55%	7.9	1.5	2.1%
Công nghiệp	↓ -3.99%	13.7	0.9	18.1%
Dầu khí	↓ -4.10%	6.4	1.2	1.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.36%	6.6	1.2	1.0%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.74%	6.1	2.1	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -3.39%	11.6	4.6	10.2%
Ngân hàng	↓ -4.75%	6.1	1.6	12.6%
Nguyên vật liệu	↓ -3.21%	8.3	2.0	14.1%
Tài chính	↓ -5.05%	31.6	3.1	34.0%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -1.49%	8.6	2.8	5.5%
VN - Index	↓ -3.66%	13.6	2.9	60.9%
HNX - Index	↓ -5.30%	18.1	1.4	39.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	754,490	0.6%	1,703,880	1.4%
GTGD (triệu VND)	13,283	0.8%	33,985	2.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index đều giảm điểm rất mạnh trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Với áp lực bán rất mạnh này thì khả năng thị trường sẽ tiếp tục giảm điểm. Nhà đầu tư có thể xem xét bán ra để giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Mức hỗ trợ cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm. Mức hỗ trợ cho chỉ số HNX-Index là khu vực 60 điểm.

- VN-Index rất mạnh về mức 476.73 điểm, giảm 18.1 điểm tương ứng với mức 3.66% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 121.29 triệu đơn vị, tăng 59.83% so với phiên trước.

- HNX-Index giảm điểm rất mạnh về mức 63.45 điểm, giảm 3.55 điểm tương ứng với mức 5.30% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 131.64 triệu đơn vị, giảm 62.81% so với phiên trước.

- Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn đều giảm điểm trong phiên hôm nay với mức giảm mạnh. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm điểm như BVH giảm 6.72%, MSN giảm 4.31%, VNM giảm 2.88%, VIC giảm 2.99%, VCB giảm 6.19%...

- Đầu phiên giao dịch chiều, thị trường xuất hiện nhiều tin đồn liên quan đến khả năng tăng giá xăng dầu, và liên quan đến lãnh đạo một NHTM lớn.

- Về khả năng tăng giá xăng dầu, với thực tế Việt Nam đã 3 lần duy trì giá bán, tăng sử dụng quỹ bình ổn và giảm thuế, sức ép tăng giá xăng dầu là có thực. Trên thực tế, các doanh nghiệp đầu mỗi đang bị lỗ khoảng 800 đồng/lít xăng. Vấn đề hiện tại là thời điểm và mức độ điều chỉnh giá, khi kiểm chế lạm phát đang là mục tiêu hàng đầu trong điều hành kinh tế vĩ mô.

- Đối với thông tin liên quan đến một NHTM, vào cuối giờ chiều, Chủ tịch Ngân hàng BIDV đã tuyên bố tin đồn liên quan đến BIDV là tin đồn thất thiệt, và yêu cầu Bộ Công an điều tra sự việc này. Kinh nghiệm về diễn biến thị trường sau vụ việc liên quan đến ông Nguyễn Đức Kiên là nguyên nhân khiến nhà đầu tư đẩy mạnh bán tháo, kéo thị trường giảm điểm mạnh. Với thực tế tin đồn được phản bác, khả năng tâm lý nhà đầu tư sẽ ổn định hơn trong phiên giao dịch tiếp theo. Thực tế lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm cũng cho thấy diễn biến ổn định của hệ thống Ngân hàng.

- Tỷ giá VND/USD tại các NHTM tiếp tục có xu hướng tăng. Tính từ ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, tỷ giá mua/bán VND/USD do VCB công bố đã tăng 0.48%/0.57%, so với mức giá ngày trước kỳ nghỉ, lên 20900/21000 VND = 1 USD. Như vậy, mức giá bán hiện thấp hơn 36 VND so với trần tỷ giá theo quy định của NHNN. Đáng chú ý là mức giá bán đang được điều chỉnh tăng khá mạnh trong hai ngày gần đây, chênh lệch giữa giá mua bán tăng lên 100 VND, từ mức 80 VND thời điểm trước Tết.

- Nguyên nhân diễn biến tăng tỷ giá do 1/ nhu cầu ngoại tệ phục vụ các hợp đồng nhập khẩu thời điểm đầu năm; 2/ kỳ vọng điều chỉnh tỷ giá, đặc biệt khi xu hướng giảm giá đồng nội tệ hỗ trợ xuất khẩu đang diễn ra khá mạnh trên Thế giới. Tuy nhiên với mục tiêu hàng đầu kiểm soát lạm phát, việc điều chỉnh tỷ giá dự kiến sẽ diễn ra ở thời điểm thích hợp hơn, và không có sự điều chỉnh một cách gượng ép. NHNN đã phát ra thông điệp chưa điều chỉnh tỷ giá vào thời điểm hiện tại.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX

- VN-Index rất mạnh về mức 476.73 điểm, giảm 18.1 điểm tương ứng với mức 3.66% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng đột biến so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên tín hiệu break là chưa thực sự thuyết phục khi mà mức tăng không mạnh cũng như chưa có sự ủng hộ của khối lượng. Với tín hiệu break không thuyết phục thì chỉ số VN-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh.

- Chỉ báo RSI phân kỳ với với chỉ số VN-Index.

- Mức hỗ trợ cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm rất mạnh với khối lượng giao dịch tăng đột biến. Với phiên giảm điểm này thì chỉ số VN-Index đã break qua trendline trung hạn. Khả năng chỉ số VN-Index sẽ tiếp tục giảm điểm. Mức hỗ trợ trong ngắn hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm rất mạnh về mức 63.45 điểm, giảm 3.55 điểm tương ứng với mức 5.30% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng đột biến so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch. Khi HNX-Index tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự này. Sau bốn phiên tăng điểm liên tiếp thì chỉ số HNX-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh.

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số HNX-Index.

- Mức hỗ trợ cho chỉ số HNX-Index là khu vực 60 điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index giảm điểm rất mạnh – mức giảm mạnh kỷ lục trong hai năm gần đây với khối lượng giao dịch tăng đột biến.. Khả năng chỉ số HNX-Index sẽ tiếp tục giảm điểm. Mức hỗ trợ trong ngắn hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 60 điểm.



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2014	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường đã có phiên giảm điểm mạnh trước nhiều tin đồn chưa được kiểm chứng. Vào cuối ngày, Chủ tịch Ngân hàng BIDV đã bác bỏ tin đồn liên quan đến việc ông bị bắt dử điều tra. Dự kiến tâm lý nhà đầu tư sẽ bình tĩnh hơn trong phiên giao dịch ngày mai.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu có EPS cao nhất, nhóm cổ phiếu thuộc danh mục của quỹ FTSE ETF để nhà đầu tư tiện tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ EPS CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Hàng tồn kho
	QIV/2012											
HGM	37	-7.46%	256	21,155	41,833	48.12%	60.02%	4.49	18.13	0.17	2.27	10
TCT	3	12.19%	4,139	16,795	52,747	33.22%	35.86%	5.12	7.83	0.34	1.63	1
DPR	169	-34.74%	12,189	12,110	50,182	19.92%	25.60%	4.25	5.05	-0.08	1.03	0
QTC	12	28.09%	7,144	12,570	37,078	16.80%	36.49%	2.45	12.06	-0.10	0.83	13
CAP	11	19.15%	5,394	12,005	27,429	20.44%	47.30%	3.21	18.13	0.04	1.40	21
TRC	119	-33.40%	3,469	11,613	44,750	23.13%	28.20%	4.05	5.05	0.07	1.05	76
VCF	152	44.10%	1,199	11,431	36,007	31%	36%	17.93	12.25	0.63	5.69	238
LHC	9	30.49%	2,567	11,426	40,856	14.48%	30.29%	2.87	12.06	0.37	0.80	6
SLS	1	#N/A	217	10,330	23,145	26.85%	52.20%	2.23	12.25	0.00	0.99	66
BMP	98	21.34%	35,680	10,231	36,344	27.62%	30.85%	5.18	12.06	0.61	1.46	337

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NHÓM CỔ PHIẾU THUỘC DANH MỤC QUỸ FTSE ETF

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	% Tỷ trọng trong DM	Beta	PB	Hàng tồn kho
	Q4.2012											
BVH	304	4.25%	559,502	1,835	17,705	2.78%	10.53%	30.25	3.62	2.28	3.13	123
IJC	15	-42.11%	677,009	672	10,997	4.10%	5.99%	16.51	1.87	1.60	1.01	2,529
DRC	95	57.98%	785,738	4,516	16,900	15.22%	30.54%	8.77	1.41	1.15	2.34	722
DIG	-31	-101.26%	366,867	291	18,709	0.83%	1.70%	50.18	1.28	1.48	0.78	0
HAG	27	-82.70%	1,050,507	655	18,172	1.24%	3.67%	44.29	8.58	1.67	1.60	0
HPG	178	-19.51%	1,264,660	420	20,198	0.96%	2.21%	58.31	6.48	1.67	1.21	6,769
HSG	125	70%	438,932	4,027	21,038	6.92%	20.07%	7.47	1.62	1.72	1.43	1,129
VCB	4,270	81.09%	417,010	2,238	18,269	1.13%	12.42%	14.30	7.99	1.68	1.75	#N/A
KBC	-225	-1382.89%	2,396,208	-1,517	13,715	-3.73%	-10.48%	-6.92	1.45	2.82	0.77	7,054
MSN	413	-17.01%	90,641	2,156	20,265	3.60%	8.74%	51.47	13.90	1.22	5.48	576
OGC	-96	-85.30%	1,184,955	424	11,134	1.34%	3.79%	33.27	2.01	1.82	1.27	0
DPM	533	-2.47%	548,843	7,996	23,731	30.38%	35.13%	5.50	8.83	1.18	1.85	1,186
PVD	254	32.10%	286,009	6,260	33,235	7.02%	19.98%	6.76	6.02	1.19	1.27	789
PVF	#N/A	#N/A	1,313,663	76	11,074	0.05%	0.67%	166.19	2.65	1.74	1.14	#N/A
PGD	14	-43.60%	72,397	5,315	23,211	12.07%	24.34%	6.02	0.92	1.27	1.38	9
STB	0	-	379,436	734	13,771	0.49%	5.11%	29.56	4.22	0.73	1.58	#N/A
SBT	188	-20.45%	258,887	3,415	13,273	17.42%	24.72%	4.54	1.01	0.53	1.17	324
ITA	1	-75.65%	6,706,790	40	13,218	0.19%	0.31%	220.31	2.34	2.36	0.67	3,350
NTL	32	-43.26%	540,722	833	14,227	2.72%	6.02%	20.41	0.63	1.28	1.19	1,148
CTG	0	-	596,704	2,345	12,829	1.28%	19.83%	9.68	7.65	1.28	1.77	#N/A
VIC	373	110.08%	271,705	2,041	11,374	3.44%	18.42%	31.85	14.01	0.22	5.71	17,385
VSH	49	-28.82%	760,464	1,156	12,121	7.00%	9.78%	10.38	1.51	0.92	0.99	0

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

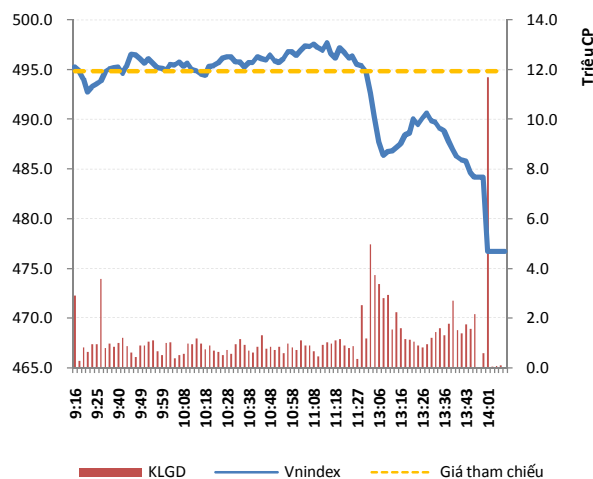
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 21/02/2013.

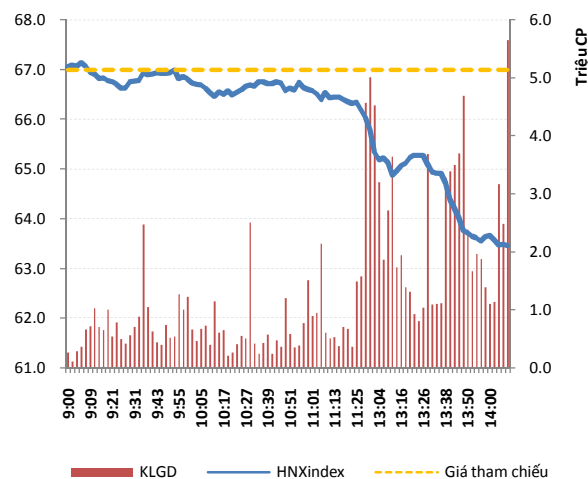


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

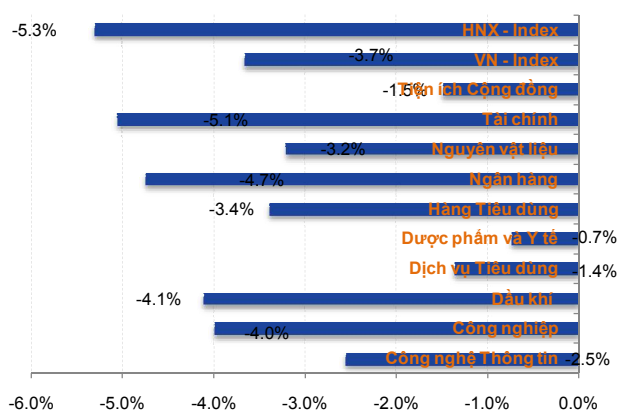
KLGD và VN-Index trong phiên



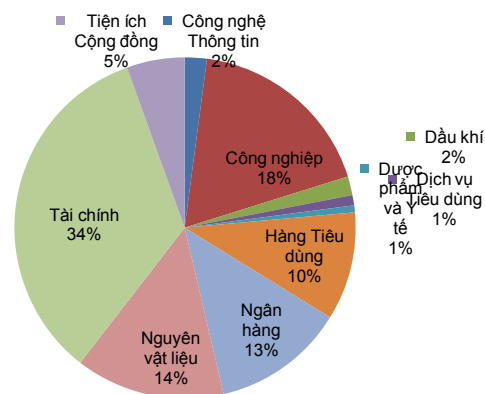
KLGD và HNX-Index trong phiên



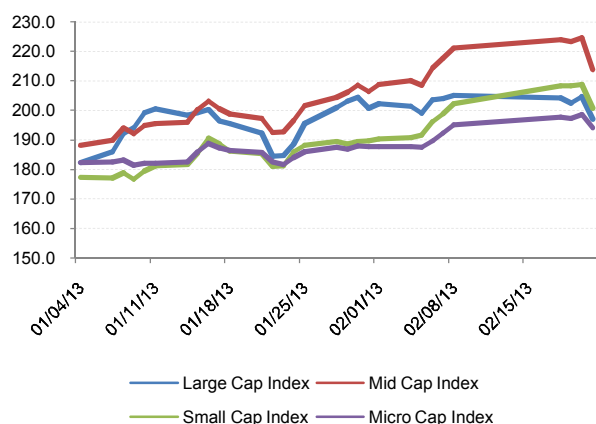
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



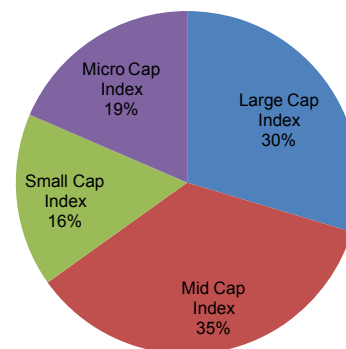
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	446,620	PAC	256,880
2	PPC	274,060	KMR	95,000
3	HAG	253,920	EIB	91,500
4	SJS	245,920	DRC	72,110
5	KBC	229,900	HSG	54,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	485,700	PVX	206,300
2	VCG	130,200	SCR	177,900
3	MIC	55,000	KLS	145,000
4	BCC	40,000	PVG	128,000
5	VNR	31,000	VND	100,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	9.5	8.9	↓ -6.32%	6,580,200
SAM	9.1	8.5	↓ -6.59%	4,450,990
HQC	6.4	6.1	↓ -4.69%	4,406,050
EIB	16.3	15.7	↓ -3.68%	3,836,610
VNE	7.0	6.7	↓ -4.29%	3,481,440

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	8.2	7.4	↓ -9.76%	28,116,880
PVX	8.3	7.5	↓ -9.64%	15,030,505
SCR	10.6	9.6	↓ -9.43%	10,960,529
KLS	11.3	10.2	↓ -9.73%	7,895,450
VND	11.2	10.1	↓ -9.82%	7,069,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
HAR	20.2	21.6	1.4	↑ 6.93%
BTT	21.8	23.3	1.5	↑ 6.88%
VSI	7.3	7.8	0.5	↑ 6.85%
HOT	25.2	26.9	1.7	↑ 6.75%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VBC	26.4	29.0	2.6	↑ 9.85%
BXH	5.2	5.7	0.5	↑ 9.62%
VMC	13.8	15.1	1.3	↑ 9.42%
TH1	37.4	40.9	3.5	↑ 9.36%
BST	7.6	8.3	0.7	↑ 9.21%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
HDG	14.3	13.3	-1.0	↓ -6.99%
AGF	21.5	20.0	-1.5	↓ -6.98%
CSM	31.7	29.5	-2.2	↓ -6.94%
REE	21.6	20.1	-1.5	↓ -6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PV2	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
TLC	2.0	1.8	-0.2	↓ -10.00%
UNI	8.0	7.2	-0.8	↓ -10.00%
VE8	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
ICG	8.1	7.3	-0.8	↓ -9.88%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,580,200	0.3%	40	220.3	0.7
SAM	4,450,990	1.6%	288	29.5	0.5
HQC	4,406,050	2.8%	337	18.1	0.5
EIB	3,836,610	13.3%	1,731	9.1	1.2
VNE	3,481,440	6.6%	694	9.7	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	28,116,880	0.0%	(1)	-	0.7
PVX	15,030,505	-9.0%	(1,001)	-	0.8
SCR	10,960,529	3.8%	587	16.4	0.6
KLS	7,895,450	0.9%	109	93.8	0.8
VND	7,069,100	7.4%	789	12.8	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 12.5%	-17.7%	(1,718)	(0.5)	0.1
HAR	↑ 6.9%	4.3%	495	43.7	2.1
BTT	↑ 6.9%	13.3%	3,343	7.0	0.9
VSI	↑ 6.8%	19.2%	2,787	2.8	0.6
HOT	↑ 6.7%	27.5%	4,218	6.4	1.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VBC	↑ 9.8%	31.9%	6,418	4.5	1.4
BXH	↑ 9.6%	14.9%	2,046	2.8	0.4
VMC	↑ 9.4%	11.0%	3,525	4.3	0.5
TH1	↑ 9.4%	3.5%	901	45.4	1.6
BST	↑ 9.2%	16.0%	1,780	4.7	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	446,620	2.2%	420	58.3	1.2
PPC	274,060	17.4%	1,948	8.2	1.2
HAG	253,920	3.7%	655	44.3	1.6
SJS	245,920	-17.8%	(3,036)	-	1.5
KBC	229,900	-10.5%	(1,517)	-	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	485,700	17.9%	3,119	4.8	1.1
VCG	130,200	1.5%	220	57.3	1.1
MIC	55,000	-8.0%	(1,038)	-	1.1
BCC	40,000	5.6%	634	9.0	0.5
VNR	31,000	14.5%	3,281	5.2	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	87,170	38.8%	5,173	8.9	3.2
VNM	84,186	41.6%	6,981	14.5	5.4
MSN	76,288	8.7%	2,156	51.5	5.5
VCB	74,157	12.4%	2,238	14.3	1.8
VIC	60,327	18.4%	2,041	31.8	5.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,472	7.5%	988	16.7	1.2
SQC	8,800	12.7%	1,489	53.7	6.4
PVS	6,656	17.9%	3,119	4.8	1.1
SHB	6,557	0.0%	(1)	-	0.7
VCG	5,566	1.5%	220	57.3	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DDM	3.16	5761.2%	(5,617)	-	(0.5)
BVH	2.62	10.5%	1,835	30.3	3.1
LAF	2.48	-97.3%	(10,359)	-	0.8
OGC	2.31	3.8%	424	33.3	1.3
KBC	2.27	-10.5%	(1,517)	-	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
S96	2.92	-5.9%	(455)	-	0.6
PSG	2.85	-176.9%	(7,181)	-	2.8
VCG	2.66	1.5%	220	57.3	1.1
PVA	2.63	-67.4%	(5,810)	-	1.2
PVL	2.58	-4.9%	(522)	-	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)